

Số: 106/2022/QĐST- DS

Đông Anh, ngày 18 tháng 5 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 5 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 59/2022/TLST- DS ngày 24 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn **07** (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần SGT.

Địa chỉ trụ sở chính: Lầu x, x-x NK, phường x, quận x, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301103xxx ngày 26/01/2018.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức Q, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh HB - Ngân hàng TMCP SGT. (Theo Quyết định về việc ủy quyền ký

hợp đồng/thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng số 3977/2020/QĐ-PL ngày 28/12/2020 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP SGT).

Người được ủy quyền lại tham gia quá trình tố tụng: Ông Tăng Xuân C, chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh HB - Ngân hàng TMCP SGT (Theo Giấy ủy quyền số 18A/2021/GUQ-CNHB ngày 08/6/2021 của Giám đốc Chi nhánh HB - Ngân hàng TMCP SGT); Bà Phan Thị T, chức vụ: Nhân viên hỗ trợ (Theo Giấy ủy quyền số 71/2021/GUQ-CNHB ngày 21/10/2021 của Giám đốc Chi nhánh HB - Ngân hàng TMCP SGT).

Bị đơn: Bà Vương Thị Đ, sinh năm 1983.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn MC, xã ĐM, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Vương Thị Đ và Ngân hàng thương mại cổ phần SGT đã ký kết các hợp đồng thẻ và hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

1. Khoản vay tín chấp số LD 1920600013 ngày 25/7/2019: Ngày 25/7/2019, Ngân hàng và bà Đ ký Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số LD 1920600013. Căn cứ thu nhập của bà Đ, Ngân hàng thương mại cổ phần SGT đã đồng ý cấp cho bà Đ khoản vay tín chấp là 90.000.000 đồng, mục đích sử dụng là tiêu dùng cá nhân, thời hạn cho vay: 04 năm được tính từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên cho đến thời điểm trả hết toàn bộ tiền gốc, lãi và các chi phí phát sinh có liên quan; lãi suất 12 tháng đầu tiên là: 20,5%/năm. Tại thời điểm bắt đầu từ tháng thứ 13 kể từ ngày ký hợp đồng lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được áp dụng theo mức lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ cộng biên độ 12,7%/năm và được SGTbank quyết định kỳ điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần; Ngày trả nợ: gốc và lãi được thanh toán vào ngày 15 hàng tháng và khoản vay không áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay.

Sau khi ký kết hợp đồng kèm giấy nhận nợ, Ngân hàng đã giải ngân cho bà Đ đủ số tiền vay theo hạn mức là 90.000.000 đồng và đã có phụ lục Lịch trả nợ đính kèm hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số LD 1920600013 ngày 25/7/2019, theo đó quy định cụ thể ngày trả nợ gốc và lãi cho bà Đ vào mỗi kỳ trả nợ.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng này ngày 14/5/2021 bà Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo phụ lục thanh toán đính kèm theo hợp đồng tín

dụng và Ngân hàng đã có các thông báo yêu cầu bà Đ thực hiện đúng cam kết nhưng bà Đ không thực hiện nên ngày 15/5/2021 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn lại sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 10/5/2022, bà Vương Thị Đ còn nợ Ngân hàng số tiền là: 61.088.507 đồng (Sáu mươi một triệu, không trăm tám mươi tám nghìn, năm trăm linh bảy đồng) theo khoản vay tín chấp số LD 1920600013 ngày 25/7/2019, cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 49.625.000 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 9.667.396 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 1.229.976 đồng.
- Lãi phạt chậm trả: 566.135 đồng.

2. Thẻ dụng VS – pay wave Cre Gold 472075-7248 ngày 30/7/2019: Ngày 30/7/2019, Ngân hàng và bà Đ ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng. Căn cứ thu nhập của bà Đ, Ngân hàng đã đồng ý cấp 01 thẻ tín dụng VS – pay wave Cre Gold 472075-7248 với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng); Lãi suất trong hạn theo thẻ tín dụng VS – pay wave Cre Gold 472075-7248 là: 2,15%/tháng, lãi suất quá hạn là: 3,552%/tháng.

Sau khi được cấp thẻ, bà Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là: 63.400.000 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là: 37.800.000 đồng, thứ tự thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng ưu tiên thanh toán phí, lãi trước, giao dịch sau. Bà Đ sử dụng thẻ VS – pay wave Cre Gold 472075-7248 từ 30/7/2019 và thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng. Tuy nhiên bắt đầu từ 22/02/2020, bà Đ ngưng thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền theo quy định cho Ngân hàng không rõ lý do. Ngân hàng đã nhiều lần liên lạc và đề nghị bà Đ thanh toán nhưng bà Đ chỉ hứa không thực hiện. Do bà Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của bà Đ vào ngày 22/5/2020 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện

phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng nên dư nợ gốc của khoản vay theo thẻ tín dụng của bà Đ được xác định là toàn bộ số tiền .

Tính đến ngày 04/5/2022, bà Vương Thị Đ còn nợ Ngân hàng số tiền theo Thẻ dụng VS – pay wave Cre Gold 472075-7248 ngày 30/7/2019 là: 66.143.043 đồng (Sáu mươi sáu triệu, một trăm bốn mươi ba nghìn, không trăm bốn mươi ba đồng) cụ thể như sau:

- Dư nợ thẻ là: 34.349.395 đồng.

- Nợ lãi quá hạn là: 31.793.648 đồng.

Bà Vương Thị Đ có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGT số tiền nợ bà còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần SGT cụ thể:

1. Đối với Khoản vay tín chấp số LD 1920600013 ngày 25/7/2019 tính đến ngày 10/5/2022 là: 61.088.507 đồng (Sáu mươi một triệu, không trăm tám mươi tám nghìn, năm trăm linh bảy đồng) và bà Đ tiếp tục chịu nợ lãi trên số nợ gốc kể từ ngày 11/5/2022 theo phương thức tính lãi đã được thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LD 1920600013 ngày 25/7/2019 cho đến khi bà thanh toán xong khoản nợ với Ngân hàng. Mức lãi suất quá hạn mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGT theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần SGT theo thỏa thuận về cách tính lãi mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

2. Đối với Thẻ dụng VS – pay wave Cre Gold 472075-7248 ngày 30/7/2019, tính đến ngày 04/5/2022 là: 66.143.043 đồng (Sáu mươi sáu triệu, một trăm bốn mươi ba nghìn, không trăm bốn mươi ba đồng) và bà Đ tiếp tục chịu nợ lãi trên số dư nợ thẻ kể từ ngày 05/5/2022 theo phương thức tính lãi đã được thỏa thuận trong Thẻ dụng VS – pay wave Cre Gold 472075-7248 (Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng) ngày 30/7/2019 cho đến khi bà thanh toán xong khoản nợ với Ngân hàng. Mức lãi suất quá hạn mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGT theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần SGT theo thỏa thuận về cách tính lãi mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Các bên thống nhất lộ trình thanh toán hai khoản nợ trên như sau:

- Từ tháng 06 đến tháng 10 năm 2022 chậm nhất vào ngày 15 hàng tháng, bà Vương Thị Đ có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần SGT số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) và được ưu tiên trừ vào nợ gốc của số nợ.

- Chậm nhất ngày 15/11/2022, bà Vương Thị Đ có trách nhiệm tất toán toàn bộ khoản nợ của bà với Ngân hàng thương mại cổ phần SGT theo Khoản vay tín chấp số LD 1920600013 ngày 25/7/2019 và Thẻ dụng VS – pay wave Cre Gold 472075-7248 (Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng) ngày 30/7/2019.

Trong quá trình thực hiện lộ trình trả nợ trên mà bà Vương Thị Đ vi phạm tại bất kỳ thời điểm nào thì Ngân hàng thương mại cổ SGT có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành án để thu hồi toàn bộ khoản nợ của bà tại Ngân hàng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: 6.361.577 đồng (Sáu triệu, ba trăm sáu mươi một nghìn, năm trăm bảy mươi bảy đồng) nhưng do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên chỉ phải chịu $1/2 = 3.180.788$ đồng (Ba triệu, một trăm tám mươi nghìn, bảy trăm tám mươi tám đồng) tiền án phí. Các đương sự thống nhất để bà Vương Thị Đ chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự để bà Vương Thị Đ chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Vương Thị Đ phải nộp 3.180.788 đồng (Ba triệu, một trăm tám mươi nghìn, bảy trăm tám mươi tám đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

Ngân hàng thương mại cổ phần SGT không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền 2.773.000 đồng (Hai triệu, bảy trăm bảy mươi ba nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0046xxx ngày 22/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Thanh